TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 171/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 20 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 168/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2020, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Kim V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp 2B, xã H, huyện T, Đ.

- *Bị đơn*: Anh Danh Chí X, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp 2B, xã H, huyện T, Đ.

Căn cứ vào Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim V và anh Danh Chí X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim V và anh Danh Chí X thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Chị Bùi Thị Kim V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung tên Danh Chí D, sinh ngày 11/12/2013;

Danh Chí H, sinh ngày 18/9/2016; Danh Chí E, sinh ngày 18/02/2019, hiện đang sống chung với chị V. Chị V không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về quan hệ nợ: Không có.

- Về án phí: Chị V nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tự nguyện nộp thay cho anh X 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Tổng cộng chị V nộp 150.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000317, ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị V được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- UBND xã H (nơi đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu HSVA, (Thái).

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Dũng